

Bài 166. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Dhammika (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 25/02/2019

Cám ơn bà con. Hôm nay chúng ta học Kinh 51, tên là Ananda. Nội dung kinh cũng vẫn là vấn đề của chúng ta.

Một hôm, ngài A Nan đến gặp ngài Xá Lợi Phất và hỏi ngài Xá Lợi Phất một câu thế này:

Xưa nay, người tự nhận thích nghe Pháp, giỏi giáo pháp, giỏi giáo lý cũng không hiếm, kể cả từ khi Đức Thế Tôn ra đời. Người tự nhận mình thích nghe Pháp, giỏi giáo pháp thì không phải là ít. Nhưng người thành tựu được hai cái này rất là hiếm.

Ngài mới hỏi ngài Xá Lợi Phất là làm thế nào mới được xem là người đam mê trong chánh Pháp một cách đúng mức, đúng nghĩa. Làm thế nào để chúng ta xứng đáng với danh xưng là một người đam mê chánh Pháp, ở hai khía cạnh: một là thiết tha với những gì chưa biết; và trong những cái mình đã biết thì luôn luôn có thể sống hết mình, một cách trọn vẹn trong đó.

Điều này không dễ, thưa quý vị.

Quý vị có thể tham dự cả chục cái room online, có thể tham dự cả chục lớp giáo lý ngoài đời, quý vị có thể đã đọc qua hàng chục bộ kinh, nhưng chưa chắc quý vị có được hai cái này: một là thiết tha với điều chưa biết; đối với cái đã biết, mình có thể sống trọn vẹn trong đó.

Tại sao tôi nói là khó? Tại vì thế này. Tôi tiếp xúc không ít những người tự nhận, một cách kín đáo hay là công khai, rằng mình giỏi. Nhưng khi tiếp xúc với họ, mình dễ dàng nhận ra là đa phần họ có vẻ thỏa mãn với cái họ đã biết. Họ có vẻ tâm đắc, tự mãn với cái họ đã biết. Từ đó dẫn đến một hệ lụy, hệ quả thứ hai, đó là họ không còn khả năng lắng nghe cái điều mới nữa.

Chuyện này là chuyện đương nhiên: khi mình thỏa mãn, tâm đắc với cái mình đã biết thì rất khó mở lòng ra đón nhận làn gió mới. Mà trời cao, đất rộng, thiên hạ mênh mông như biển, thì có gì đại đột cho bằng mình đóng cửa, đóng cổng, vô phòng trùm mền, tắt đèn để tâm đắc với cái riêng tư của mình? Trong khi bên ngoài thì trời vẫn xanh, mây vẫn trắng, nắng vẫn vàng, núi đồi, đại dương bao la bát ngát mà mình dẹp hết, cứ đóng cổng, đóng cửa thì bậy cỡ nào? Nó lớn chuyện lắm.

Cho nên tôi nói bài kinh này vẫn là vấn đề của chúng ta, vẫn là vấn đề thường trực, thường nhật của chúng ta. Vẫn là vấn đề cốt tử, xương máu trong cuộc sống tu học của chúng ta tại đây và bây giờ.

Cho nên tôi nhắc lại: làm thế nào để xứng đáng với danh xưng là một người đam mê, thích thú trong chánh Pháp; luôn luôn hướng lòng đến cái mới, và luôn luôn sống trọn vẹn trong cái mình đã biết.

Nên nhớ cái này quan trọng nữa: chánh Pháp chỉ có cái mới chứ chánh Pháp không có cái cũ. Mới là điều mình chưa biết. Còn cái mình đã biết không thể gọi là cũ. Vì sao? Cái cũ vốn dĩ không có. Vì trong những cái mình đã hiểu, đã nhớ, liệu mình đã tiêu hóa nó tới nơi tới chốn hay chưa mà mình gọi nó là cũ? Các vị có hiểu ý này không?

Trong những điều mình cho là đã nhớ, đã hiểu, đã nắm lòng rồi vội vã cho nó là cũ, là sai bét. Vì cứ cho là mình hiểu, mình nhớ, nhưng thực ra mình đã thấm thía nó được bao nhiêu?

Sẵn đây tôi nhắc lại một điều vô cùng quan trọng, đó là: trong từng vấn đề giáo lý mà mình tưởng đã lâu thông, thông suốt đó, thực ra chiều sâu của nó tới mức nào mình cũng chưa rõ. Tôi chỉ nói gọn chữ “giới” thôi, chữ “thí”, “từ tâm” nè, mình tưởng mình đã hiểu rồi.

Tôi nói thiệt, cái này nói ra nó đau cho người khác mà nhục cho mình, tôi vẫn nói: nếu hiểu tới nơi tới chốn một vấn đề nào đó thì mình đã khác rồi. Tin tôi đi. Mình đã

khác đi nhiều lắm chứ hỏng phải như mình thấy.

Điều thứ hai, phải luôn luôn nhớ câu thần chú này:

“Điểm khác biệt duy nhất giữa Thánh nhân và phàm phu nằm ở chỗ: Thánh nhân hiểu rất rõ điều mình tin và tin chết bỏ điều mình hiểu. Có nghĩa là chết chứ họ không bao giờ chống trái hay mâu thuẫn với điều họ biết. Còn phàm phu không hiểu lắm điều mình tin nên không tin lắm điều mình hiểu.”

Tin tôi đi. Các vị nhớ cái này rất quan trọng. Nếu nhớ được câu thần chú này, tôi tin quý vị an toàn trong hành trình học đạo và hành đạo. Trong hành trình học đạo và hành đạo, nếu các vị nhớ câu thần chú này, các vị sẽ không sa vào cái vũng lầy của những thành tựu, những sở chứng. Tôi gọi nó là sa vào vũng lầy. Có nghĩa là được ba mớ tướng mình hay đó, quý vị.

Ngày nào chưa là Thánh, chúng ta vẫn còn đoạn đường hun hút nghìn trùng trước mặt. Mà có gì bậy cho bằng bị sa lầy trên con đường vạn lý? Đi chưa được bao nhiêu bị sa lầy rồi, thì chúng ta làm gì với đoạn đường còn lại đây?

Cho nên để được an toàn, khỏi bị sa lầy, khỏi bị sụp hố, sụp bẫy thì phải nhớ câu thần chú này:

Nếu mình hiểu tới nơi tới chốn thì mình đã không tệ như bây giờ.

Điểm khác biệt duy nhất giữa Thánh nhân và phàm phu là: Thánh nhân hiểu rất rõ điều mình tin nên tin chết bỏ điều mình hiểu. Còn phàm phu không hiểu lắm điều mình tin nên không tin lắm điều mình hiểu.

Chính vì không tin lắm nên miệng nói như sáo, két, vẹt, nhông, cưỡng: vô ngã, vô thường. Chớ thử ai đựng tới nhan sắc, đựng tới tiền bạc, danh dự mình là mình nổi dịch, mình điên lên như một con chó, nghe. Chớ nếu mình hiểu tới nơi thì không có như vậy đâu.

Ở đây, ngài A Nan hỏi ngài Xá Lợi Phất: làm thế nào để được là người luôn luôn thiết tha với cái mới và luôn luôn sống trong cái mình đã biết?

Trong kinh cho mình biết một chuyện đẹp lắm, một chuyện nếu mình đọc lướt qua mình không thấy. Đó là ngài A Nan khi hỏi ngài Xá Lợi Phất câu này thì khi đó ngài A Nan mới là vị Tu đà hườn thôi. Trong khi ngài Xá Lợi Phất đã là một vị A la hán đệ nhất trí tuệ, đệ nhất Thịnh Văn, là vị trưởng tử của Thế Tôn, là vị huynh trưởng ở trong giáo pháp này gồm có bốn chúng và Bát bộ. Bát bộ là Sa môn, Bà la môn, chư Thiên, Phạm thiên. Ngài đứng đầu bốn chúng, Bát bộ, lục thông, tam minh và bốn trí vô ngại.

Có nghĩa là kiến thức của ngài A Nan về Ba Tạng chẳng là gì so với ngài Xá Lợi Phất. Ấy vậy mà khi nghe ngài A Nan hỏi như vậy, ngài Xá Lợi Phất đã trả lời một cách rất Thánh. Ngài đã trả lời cách mà chúng ta có đầu thai 15.000 kiếp chúng ta cũng không có cách trả lời đó.

Khi người ta hỏi mình một câu mình thừa sức trả lời, mà ngài đã trả lời bằng một câu hỏi ngược lại:

“Tôi nghĩ hiền giả A Nan là người nghe nhiều. Ở lúc này không phải là lúc mà hiền giả nghe tôi. Mà tại đây và bây giờ, tôi mới là người muốn nghe hiền giả nói.”

Hiền giả là người đa văn, tôi muốn nghe hiền giả nói.”

Các vị coi có gì dễ thương hơn, còn câu trả lời nào hay hơn và dễ thương hơn không? Mình là cái gì? Đệ nhất Thịnh Văn, trưởng tử của Như Lai, đệ nhất trí tuệ, thượng thủ Tăng già, vậy mà khi nghe một sư đệ hỏi mình, đã trả lời như vậy:

“Lúc này là lúc tôi cần nghe hiền giả chứ không phải hiền giả cần nghe tôi. Hiền giả là người đa văn, hiền giả nói đi, tôi đang lắng nghe nè.”

Đẹp như vậy đó quý vị. Đẹp lắm quý vị à! Chỉ riêng cái khoản đó mình đã học không nổi rồi, chớ đừng nói học cái khác.

Ngài A Nan biết hết, chớ đâu phải Ngài nghe vậy rồi ham hố phô trương khoe lác như mình. Nhưng Ngài biết rõ người vừa đề nghị mình điều đó là thiết tha, chân thật. Và điều Ngài trả lời cho ngài Xá Lợi Phất vẫn là điều Ngài học lại từ Thế Tôn. Ngài biết rõ ngài Xá Lợi Phất biết điều đó. Biết là ngài Xá Lợi Phất muốn nghe lại ý kiến của Thế Tôn thông qua mình. Wow, hay là hay chỗ đó!

Cho nên ngài A Nan nghe vậy rồi Ngài cung kính trả lời:

“Dạ, nếu sư huynh nói vậy thì đệ xin trùng thuật lại những gì đã được nghe.”

Bắt đầu Ngài kể sáu điều.

Tôi nhắc lại nghe. “Làm thế nào để trở thành một người luôn luôn thiết tha với cái mới và có thể sống thắm đằm, sống trọn vẹn trong điều mình đã biết?”

1. Chuyện đầu tiên là vị tỳ kheo phải thông suốt giáo lý.

Phải bỏ công, dành thì giờ học hỏi giáo lý. Trong khi khuynh hướng của tăng ni Phật tử hôm nay trên thế giới mà mình cảm nhận được thì đa phần chia làm ba nhóm:

Nhóm một, vội vã tâm đắc điều mình có, điều mình biết.

Nhóm hai, nghiêng nặng về niềm tin bái sám, cầu nguyện, khẩn khứa.

Nhóm ba, sống bằng tâm thức mặc cảm, cho rằng Kinh điển bao la, sức mình thì có hạn, trăm năm thì ngắn ngủi, học sao cho hết. Thôi thì bây giờ làm con ong, cái kiến trong đạo tràng, trong tông lâm cõi Phật đi. Tức là lằm lằm lủi lủi, ai dạy nhào vô học, ai giảng nhào vô nghe. Suốt đời sống bằng tâm thức của con ong cái kiến.

Nhóm thứ tư, còn học được thì học. Học được bao nhiêu hành trì bấy nhiêu. Vì Giáo lý chính là dấu vết còn sót lại của Thế Tôn. Giáo lý là một phần, mảnh nhỏ của cái gọi là tinh hoa tuệ giác của một vị Chánh Đẳng Giác mà hàng triệu ức tỷ kiếp mới có một vị Phật ra đời. Nay ta có duyên may mang được thân người. Lại nhằm lúc Giáo Pháp vẫn còn đó. Mình có tâm đắc với pháp môn nào đi nữa, mình có hành trì với

pháp môn nào đi nữa, nhưng với Giáo lý còn lại, trau dồi được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Vì sao vậy? Vì cứ biết thêm một vấn đề Giáo lý là mình gỡ rối được một số vấn đề của mình. Bớt được một cái vô minh. Bớt được một cái u mê. Bớt được một cái không biết thì nó giải quyết được nhiều vấn đề lắm quý vị.

Bởi vì chúng ta là những con bệnh mà! Những con bệnh trầm kha. Đủ thứ bệnh hết. Cho nên chuyện đầu tiên là phải học Giáo lý, thiết tha với Giáo lý.

2. Thứ hai, sẵn lòng chia sẻ cái mình biết cho người khác.

Mình học xong, mình giữ kín lại giống như người ta nấu ăn rồi bỏ vô ngăn tủ lạnh thì đau quá. Mình nấu giỏi, nấu ngon, nấu cho gia đình, cho bạn bè, hoặc mở nhà hàng nấu cho thiên hạ. Chớ đừng này mình học nấu ăn cho đã, mình có nhiều nguyên liệu quý hiếm, nấu xong bỏ vô freezer, ngăn đá, đóng lại để chờ ngày mình về đất thì đau quá.

Cho nên điều đầu tiên, phải là người thiết tha trau dồi giáo lý, thì cái thứ hai là phải luôn luôn sẵn lòng chia sẻ cái mình biết cho người khác.

3. Luôn tạo điều kiện cho người khác nói.

Đa phần chúng ta không để ý cái thứ ba này. Chúng ta có thể là người hiếu học. Chúng ta có thể là người rất sẵn lòng nói Pháp cho người khác. Nhưng cái thứ ba này khó ai có. Có nghĩa là luôn luôn tạo điều kiện cho người khác nói. Đây là cái hạnh lành mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý.

Như này, ngài Xá Lợi Phất trong bài Kinh, khi được ngài A Nan hỏi, lẽ ra Ngài nói rồi, nhưng Ngài không nói, mà Ngài lại tạo điều kiện cho Ngài A Nan nói.

Các vị biết, có một bài học nhỏ xiu xiu thôi mà chúng ta học cả đời không hết. Đó là chúng ta chỉ mất từ 2 đến 3 năm để học nói, nhưng chúng ta phải mất mấy chục

năm để học im lặng, các vị có biết không?

Vì sao vậy? Vì cái thứ nhất: im lặng là vàng. Chúng ta chỉ nên nói cái gì nó quý hơn vàng thôi.

Điều thứ hai, đây là bài học rất rẻ tiền mà chúng ta quên. Đó là, tại sao ham nói? Khi nói, ta được lợi ích gì hơn khi chúng ta nghe? Bởi vì khi mình sắp nói một tiếng đồng hồ là mình đã biết trước mình sẽ nói cái gì. Nhưng khi mình nghe lại khác. Khi mình bắt đầu nghe là biết bao nhiêu điều mới lạ có thể đến với mình. Vậy tại sao người ta ham nói? Là tại vì người ta quên mất bài học này.

Anh nói là anh chỉ có chi ra chứ không có thu. Mà một nguồn tài chánh, nguồn kinh tế ổn định là có chi thu cân bằng. Còn đảng này mình khoái chi mà không có thu. Hoặc là nếu mình có thu mà không có chi thì có vấn đề. Thích chi mà quên thu cũng có vấn đề. Đời sống là có chi có thu, có cho và có nhận.

Cho nên ở đây, điều đầu tiên là anh phải có trau dồi. Anh phải có Giáo lý. Anh muốn trao cho người khác, anh phải có cái gì trong tay mới trao được. Anh có học Giáo lý, anh mới có thể biết cái gì nó hợp với anh chứ. Đảng này anh ù ù cạc cạc, cứ trông đợi người khác ban cho một pháp môn để về anh tu thì có vẻ 50/50 quá, nó nguy hiểm quá!

Thứ hai là anh có giáo lý rồi, anh mới có khả năng chia sẻ. Rồi cái thứ ba mới ghê, là anh có khả năng tạo điều kiện cho người khác chia sẻ. Để lúc bấy giờ anh ở vào vị trí của người nhận chứ không cho nữa. Trước hết là mình tích lũy tài sản, thứ hai là chia tài sản. Thứ ba là khả năng đón nhận. Không phải chỉ biết cho ra mà còn phải biết nhận vào nữa chứ.

Vật chất không quan trọng, mà cái điều tinh thần rất quan trọng. Anh phải có khả năng khích lệ, kích thích, tạo hứng khởi cho người khác nói. Khả năng này không phải ai cũng có. Vì anh có khả năng tạo cơ hội cho người khác nói thì anh mới có thể nghe nhiều hơn.

Cho nên cái thứ hai: khả năng thuyết giảng cho người khác. Cái thứ ba là có khả năng gây hứng khởi cho người khác.

4. Vị đó phải có khả năng tụng đọc.

Tại sao vậy? Nói thì có khi, có thì, phải có đối tượng. Còn chuyện tụng đọc, ở đây các vị đừng lầm tụng đọc là hình thức tôn giáo mà chúng ta thường thấy ở tăng ni hôm nay. Không phải cứ lim dim tụng hết bộ này qua bộ khác. Mà tụng đọc đây là

Một cách trau dồi với riêng mình, không cần sự hỗ trợ với ai khác.

Muốn thấy cái này, các vị phải có dịp gặp gỡ chư Tăng Tích Lan, Miến Điện. Chúng tôi được biết qua thầy Hộ Giác, xưa là sư phụ tiếng Phạn của tôi. Tôi nghe kể, trong suốt bốn năm Ngài ở Tích Lan, Ngài ở chung với mấy vị trưởng lão đặc biệt lắm.

Buổi trưa ăn cơm xong, các vị đi kinh hành tới lui, tới lui một tí. Ngài kể cho mình nghe về các vị uyên bác đó. Tại sao Ngài nhấn mạnh chữ “uyên bác”? Tại vì uyên bác giống như ngoài đời, mấy cha trí thức, cái sinh hoạt của họ rất đáng cho mình để ý. Bởi vì họ giỏi quá mà. Cái sinh hoạt của họ có nhiều cái nó xuất phát từ cái tinh hoa tri thức, chứ không phải ngẫu nhiên như những người ít học, cho nên họ rất đáng cho mình để ý.

Ngài nói rằng những vị trưởng lão như ngài __, dạy cho Ngài tiếng Phạn đó, vị đó có thể nói tiếng Pali coi như nói mà không kịp thở. Ngài có thói quen lạ lắm. Đi kinh hành xong vô nằm ghế bố thêm thiếp khoảng chừng một giờ, hai tiếng đồng hồ vậy đó. Xong rồi mở mắt ra, đầu tiên là vị đó đọc một loạt kệ ngôn Pali, hay lắm. Trầm bổng, đọc hay lắm.

Ngài Hộ Giác nói rằng có cảm giác như vị này là sợ quên vậy đó. Hoặc giống như một cậu học trò ôn bài, vừa mở mắt ra là đọc một loạt vậy đó.

Tôi có duyên ở gần mấy vị trì Kinh Tạng của Miến Điện. Mấy vị như ngài __, vị mà giúp mình làm thiền đường Kalama đó.

Chắc có lẽ cho tôi ngưng chỗ này một chút. Tôi phải khoe bà con một chuyện đặc biệt này.

Tôi suy nghĩ rất là nhiều cái tên gọi thiền đường tương lai của mình đó. Nói tương lai chớ cũng sắp tới rồi. Tôi nghĩ hoài, cuối cùng tôi đặt tên Parami. Bởi chữ parami, tôi phân tích trong bài đó, nếu dịch ra là Việt, người Việt mình đó. Parami là “param” với “i”, có nghĩa là “đi qua bờ kia”, là “vượt”. Vượt có nghĩa là “Việt”. Mà đồng thời từ “parami” rất nổi tiếng trong Phật giáo mình, tức là hành trình huân tu hạnh lành, kiến lập Phật đạo đó.

Nhưng mà lạ lắm. Cách đây ba đêm tôi bị cảm, tôi uống thuốc Neocitran của Thụy Sĩ. Nó giải cảm nhưng nó ngủ. Tôi ngủ say lắm. Lúc đó tầm tầm khoảng 3 giờ sáng.

Cái này các vị có thể không tin, các vị nói tôi kể phong thần cũng được. Nhưng tôi không nghĩ đó là cái gì huyền bí gì hết. Mà nó là một cái chấn động tâm thức nào tôi không hiểu. Khả năng đó tôi cho nó lớn hơn là khả năng của chư Thiên.

Thì tầm khoảng 3 giờ sáng, tôi đang ngủ rất là say, thì tôi nghe văng vẳng, cái đó mới lạ. Ngủ rất say nhưng lúc đó lại nghe trên đầu giường mình, tại tôi đang xoay đầu về trong vách, mà tôi cảm giác có ai đó đứng ở đầu giường tôi, nói một câu nghe rất là khó hiểu, là: “Kalama, đừng Parami.”

Tôi không có hiểu. Tôi nghe hơi nhỏ, thì cái câu đó được nhắc lại một lần nữa, là: “Kalama, đừng Parami.”

Thì trong lúc đó tôi đang ngủ say lắm, thuốc nó mạnh, Neocitran người ta uống có nửa gói, tôi quất một gói mà. Thì lúc trong giấc ngủ tôi nói thầm: “Kalama không có nghĩa”, rồi tôi ngủ luôn.

Thì sáng hôm đó tôi giật mình dậy. Khoảng chừng mấy tiếng đồng hồ, tôi giật mình dậy, tôi hết hồn! Là cái “parami” là cái tên tôi đặt cho thiền viện, thiền đường thì ai biết. Mà người trong giấc mơ tôi cũng không biết là nam hay nữ, nhưng mà tại sao họ

kêu “Kalama”, tôi mới giật mình: “Ô, chữ Kalama không có nghĩa. Nó là tên một ngôi làng mà Đức Thế Tôn ghé đó.”

Rồi dân làng họ ra, họ mới nói với Ngài là: “Nhiều cha ghé đây lắm. Cha nào cũng nói mình số một, thì con không biết Thế Tôn số mấy trong đám đó.”

Thì Ngài nói rằng: “Đừng quan tâm đến cái gì mà nó gọi là truyền thuyết, là Tổ sư, là Kinh sách, là truyền thống lâu đời, mà các người phải xem cái đó là thiện hay ác, có hại mình hại người, lợi mình lợi người hay không, cái đó mới quan trọng. Chứ còn cái chuyện điều đó được tuyên bố bởi thầy nào, cha nào, sư phụ nào, Tổ sư nào, giáo chủ nào, truyền thống nào, Kinh điển nào, cái đó không quan trọng. Mà cái quan trọng là nội dung đó.”

Cho nên Kinh Kalama là một kinh rất nổi tiếng. Nổi tiếng đến mức mà chúng ta có thể nói rằng một trăm ông Tây bà đầm mà nghiên cứu Phật pháp đều biết Kinh Kalama. Bởi bài kinh đó là một nhát búa đóng thẳng vào Thánh Kinh của Thiên Chúa. Bên Cơ Đốc họ nói rằng: “Phúc thay cho kẻ nào chưa thấy đã tin.” Còn bên Nam Tông mình, Kinh điển Pali thì lại có một bài kinh đặc biệt nói ngược lại: là đừng tin vào truyền thống, đừng tin vào sư phụ, mà chỉ quan sát cái nội dung điều mình được nghe, rồi mới quyết định tin hay bỏ.

Thì đặc biệt phải nói tôi lạnh xương sống và tôi rất là xúc động. Tôi không gọi đó là giấc mơ vì nó ngắn quá, nó khoảng chừng một giây rưỡi thôi quý vị, mà không biết ai nói, mà một câu nói rất là mơ hồ: “Kalama, đừng Parami.” Và tôi đã quyết định bỏ cái tên Parami.

Và tôi cũng thấy hơi quê cái chỗ lý do cái nội dung nó hơi phong thần. Mà quê chỗ nữa là cách đây mấy ngày mình đã thiết tha tâm huyết viết cái bài về cái tên Parami. Rồi bây giờ mình ăn nói làm sao với thiên hạ bàn dân đây. Thế là tôi im luôn. Tôi âm thầm đặt người ta một miếng gỗ thông dát xéo, rồi khắc chữ là “Kalama Hermitage”,

có nghĩa là Ẩn Xứ, không biết hermitage tiếng Việt kêu là gì. Quá hay, đặc biệt, và tôi rất là hoan hỷ.

Nếu mà nói hơi phong thần một chút, tôi nghĩ giống như chư Thiên họ cho mình cái tên đó. Biết đâu trong tiềm thức mình một cái thao thức, một cái trăn trở, cuối cùng tôi chọn tên Kalama.

Và tôi gọi cho mấy người Phật tử quen ở châu Âu, tôi mới vừa nhắc tên Kalama, họ nói: “Sư ơi, con thích cái tên đó. Con thích cái tên đó. Sư lấy cái tên đó đi Sư. Kalama hay quá.”

Thế là chưa nói đến cái ý nghĩa tinh thần, ý nghĩa Kinh điển, ý nghĩa gì hết, chỉ riêng cái tên là thấy dễ thương rồi. Tôi đặt đó là Trung tâm Kalama, mà cái hàm ý đó là một trung tâm mà chúng ta đến để chúng ta nhìn lại Kinh điển, nhìn lại chính mình. Đây là một trung tâm “nhìn lại”, chứ không phải một trung tâm “tin theo”, không phải là trung tâm “tin nhận”, không phải là trung tâm cắm đầu mù quáng. Mà đây là chỗ chúng ta nhìn lại. Dầu có đến đó đọc sách cũng để nhìn lại. Dầu có đến đó để tu tập Tuệ quán cũng để nhìn lại mình thôi. Tôi gọi nó là Trung tâm Kalama.

Thì tôi quay lại là vị mà hỗ trợ mình là _ . Vị này thuộc lòng Trường Bộ, mà tôi ở bên cạnh Ngài trong mấy hôm ở Miến Điện. Rồi sau đó Ngài có đi qua Thụy Sĩ, tôi cũng ở bên cạnh Ngài mấy hôm.

Cứ ở không một mình là Ngài cứ lầm rầm, lầm rầm tụng kinh suốt như vậy. Không biết do Ngài thích hay do Ngài sợ quên, mình không biết, nhưng biết đó là một cách trì niệm rất lạ và rất đẹp.

Cho nên ở đây, chúng ta trở lại. Chuyện đầu tiên là vị tỳ kheo phải thiết tha trau dồi giáo lý. Thứ hai, vị tỳ kheo phải sẵn lòng chia sẻ, trao truyền cho người khác. Thứ ba, vị tỳ kheo phải có khả năng tạo hứng khởi cho người khác nói Pháp. Thứ tư là có khả năng ôn luyện, ôn tập, trùng thuật Giáo Pháp với riêng mình, không cần ai hỗ trợ.

5. Tùy tâm tùy tứ với ý tùy quán pháp

Là thường xuyên suy tư, suy ngẫm những cái mình đã học.

Chỗ này chúng ta phải giải thích bằng một câu Pháp Cú:

“Vị tỳ kheo mến Pháp trú Pháp,
Tâm tư hằng niệm Pháp,
Sẽ không rời Chánh Pháp”.

Có nghĩa là thuộc gì thuộc, đọc gì đọc, giảng gì giảng, nhưng khi còn lại một mình thì trầm tư trong cái mình đã học.

Bởi vì tôi đã nói rồi, cái chuyện đó mình tưởng mình biết rồi, quý vị. Nhưng mà không! Phật Pháp lạ lắm. Cái biết này cộng với cái biết kia tạo ra cái biết khác đã đành rồi, mà nhiều cái biết khi cộng lại, ngoài việc tạo ra cái biết khác, nó còn đào sâu, mở rộng cái mình đã biết.

Nên đây là lý do vì đâu mà chúng ta ngoài giờ thực tập chánh niệm, thiền hành, thiền tọa, thì chúng ta cũng dành nhiều thì giờ suy tư, nghiền ngẫm, suy gẫm những vấn đề giáo pháp mà mình đã học.

Phải nói tôi chưa bao giờ dám nhận là hành giả, nhưng cái thời gian tôi dành cho chuyện nghiền ngẫm thì tôi nghĩ là hơi nhiều. Bởi vì không phải khơi khơi mở Kinh ra, mở Chú giải ra mà tôi giảng cho bà con nghe. Không đủ đâu, quý vị. Tôi phải dành nhiều thì giờ ở bụng mình thôi, đêm hôm khi không ngủ, đi tới đi lui, suy nghĩ về vấn đề giáo lý.

Chẳng hạn như là chỉ riêng chữ “phiền não”, tôi có thể khoe với bà con là chữ “phiền não” tôi có thể giảng một tuần bà con nghe không hết. Nó nhiều chuyện để mình đào xới lắm, quý vị.

Cho nên thuộc lòng, thuyết giảng, nó là một chuyện; nhưng phải thường xuyên suy gẫm, nghiền ngẫm cái mình đã học.

6. Sẵn sàng giải đáp thắc mắc cho người khác

Thuyết Pháp là chuyện khác, nhưng mà mình có thể chịu cực ngồi lại nghe người ta hỏi, đó lại là chuyện khác.

Chớ có nhiều vị tôi biết, mời thuyết thời Pháp hai tiếng vị đó sẵn sàng, nhưng mà cà rị cà mọ ngồi mà lắng nghe người ta hỏi cái này, hỏi cái kia, họ lại không kiên nhẫn. Vị đó chỉ nói: “Về đọc cuốn nào đó, về đọc cuốn nào đó” thôi.

Chớ thà giảng hai tiếng không ngán, mà cứ ngồi phải chạy theo cái tào lao của người ta để tìm cách dắt người ta về đường chánh, mệt lắm quý vị. Cho nên nhiều khi chúng ta không đủ kiên nhẫn, không đủ bi tâm, từ tâm để giúp người khác.

Nên cái thứ sáu này rất quan trọng, là có sẵn từ tâm, bi tâm để mà giải đáp cho người khác.

Người nào có được sáu cái này mới xứng đáng gọi là người đam mê trong Chánh Pháp qua hai khía cạnh: một là luôn luôn hướng lòng tới cái mới; hai là chìm sâu, thấm đẫm, sống hết mình một cách trọn vẹn với điều mình đã biết.

Đó là bài Kinh 51.

Tôi nhắc lại lần nữa. Trong room này tôi nghĩ có nhiều bà con đã tham dự cả chục lớp giáo lý online, rồi cũng cả chục lớp giáo lý ngoài đời, nghĩa là học trực tiếp với con người bằng xương bằng thịt. Rồi Kinh điển mình đọc cả chục bộ, cả trăm quyển, tôi nghĩ trong room này có.

Nhưng phải tự xét coi mình có đủ hai điều kiện đó hay không:

Một là luôn luôn mở lòng ra để học cái mới, đón nhận làn gió mới.

Và cái thứ hai là có khả năng sống trọn vẹn, hết mình với cái mà mình đã biết.

Coi lại coi có phải mình là loại người đó hay không, hay mình là người vội vã tâm đắc với cái mình đã biết rồi đóng lòng lại, khép chặt lòng lại, không nhận thêm cái mới. Coi chừng cái đó, tự mình thiệt thòi thôi!

Quý vị nên nhớ Phật Pháp bao la, biển Kinh thăm thẳm. Ba mớ thì không đủ đâu vào đâu hết. Đại dương mà chỉ mức có muông cà phê thì mức được bao nhiêu. Kinh như một cái núi mà mình chỉ lấy được năm sỏi thì được bao nhiêu. Lời Phật như sa mạc mà mình chỉ hốt được năm cát thì được bao nhiêu. Nhe, nhớ cái đó!

Tiếp theo, ngài A Nan sau khi trình bày như vậy thì ngài Xá Lợi Phất tán thán. Ngài nói:

“Tôi nghe sư đệ nói như vậy và tôi cũng hiểu rằng sư đệ là người có đủ sáu cái này”.

Mình đọc cái này mình mới thấy, mới hình dung ngài Xá Lợi Phất đẹp cỡ nào. Ngài đẹp lắm. Khoan nói đến cái dung tướng của Ngài mà chỉ riêng về cách sống của Ngài đẹp lắm. Bậc đại hiền, đại trí mà.

Cho nên Ngài là người duy nhất được Đức Phật tán thán:

“Này Xá Lợi Phất, nếu nói một cách chín chắn, một cách chính xác, Xá Lợi Phất chính là con trai của Như Lai, trưởng tử của Như Lai. Xá Lợi Phất là đứa con được sanh ra từ ta, và Xá Lợi Phất là người có thể chuyển vận Pháp luân mà ta đã chuyển vận”.

Có nghĩa Thế Tôn là người chuyển vận bánh xe Pháp mà trước đây chưa có ai chuyển vận. Ngài là người đầu tiên. Còn đời chư Phật khác đó là chuyện khác. Nhưng mà trong thời đại này, thời điểm này, Ngài là người làm mới.

Còn riêng ngài Xá Lợi Phất thì là người chuyển vận Pháp luân mà Thế Tôn đã chuyển vận. Nghĩa là chỉ cần nghe bốn câu kệ ngôn từ Thế Tôn, từ đó Ngài có thể

làm lại nguyên một bộ Tam Tạng. Trong room có thể không tin nhưng tôi tin điều đó.

Bằng chứng là ngài Xá Lợi Phất chỉ nghe bốn câu ngài Assaji đó:

“Vạn pháp tùng duyên sanh.

Vạn pháp tùng duyên diệt.

Ngã Phật đại Sa môn.

Thường thời như thị thuyết”.

Các pháp do duyên mà có, rồi cũng do duyên mà mất. Sư phụ tôi là sa môn Cồ Đàm đã nói rõ các duyên sanh và duyên diệt ấy.

Ngài chỉ nghe bao nhiêu đó là Ngài hiểu ngay Bốn Đế và 12 duyên khởi trong vòng có một phần ngàn của giây thôi. Nhanh như vậy đó, quý vị. Đệ nhất trí tuệ mà!

Cho nên Kinh nói Ngài chỉ cần có một gợi ý, một bài kệ bốn câu của Thế Tôn là Ngài có thể làm nguyên một hệ thống giáo pháp như là Phật vậy. Khiếp như vậy! Đặc biệt lắm. Đặc biệt lắm, người ta tu tới một a-tăng-kỳ 100.000 đại kiếp mà quý vị. Ngài A Nan chỉ có 100.000 đại kiếp, chỉ có con số lẻ của ngài Xá Lợi Phất thôi.

Rồi, khi Ngài tán thán ngài A Nan như vậy:

“Nghe sư đệ nói như vậy thì tôi lập tức hiểu rằng sư đệ là người có đủ sáu điều mà sư đệ vừa nói”.

Đây là cuộc nói chuyện giữa hai bậc long tượng. Ngoài nội dung hai vị nói chuyện với nhau thì chúng ta còn học được cái rìa của Kinh. Nội dung Kinh là sáu điều đó,

Còn cái rìa là cái gì? Là cái cung cách sống, thái độ sống, kiểu sống của các bậc hiền thánh. Đẹp như vậy đó quý vị, nghe!

BÀI KINH 52 – VỊ SÁT ĐẾ LỖ (KHATTIYASUTTAM)

Bài kinh này lại cũng là vấn đề của chúng ta. Có một ông Bà-la-môn tới hỏi Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, trên đời này có nhiều hạng người: vua chúa, tu sĩ Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, đối với đàn bà, với thành phần trộm đạo, đối với sa-môn đệ tử của Thế Tôn, thì con xin Thế Tôn cho con biết đặc điểm của những hạng người này ra sao?”

Các vị nghe kịp không? Bài kinh dài lắm, tôi làm gọn lại. Tức là trong đạo ngoài đời có một số hạng người mà con vừa kể, thì Thế Tôn nói cho con đặc điểm của những hạng người đó.

1. Đối với hạng vua chúa

Đức Phật ngài dạy thế này: đối với hạng vua chúa, khuynh hướng của vua chúa là gì? Là tài sản.

Các vị đọc sử Tàu các vị biết, cái sức mạnh, cái vẻ ngoài của một vị hoàng đế, bên cạnh sức mạnh về quân sự, chính trị, thì ai là nhiều lâu đài nhất, ai của chìm của nổi nhiều nhất. Chớ không phải như thế giới thời đại hôm nay, là anh làm thủ tướng, làm tổng thống thì điều quan trọng là anh đã làm gì cho đất nước, đã tạo ảnh hưởng gì, dư chấn gì cho thế giới bên ngoài đất nước anh, cái đó mới là sự nghiệp chính trị của anh, dù anh có nghèo cũng được.

Nhưng đời xưa thì khác. Đời xưa sức mạnh một vị hoàng đế còn là sự hưởng thụ của vị đó. Cho nên từ Kiệt, Trụ, cho đến Tần Thủy Hoàng, đến Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, mình thấy cha nào lên ngôi cũng tìm cách hưởng thụ. Vua chúa nào cũng muốn mình có nhiều tài vật, tài sản, tài nguyên để hưởng thụ.

Đặc điểm thứ hai của vua chúa, ở đây ngài Minh Châu dịch là: đối với hàng vua chúa, trí tuệ là cận hành. “Cận hành”, tiếng Pali là (...) nghĩa là “sinh hoạt thường nhật”. Làm vua mà thiếu cái đầu cơ trí, cơ mưu thì chết nhăn răng không kịp ngáp. Đứng đầu thiên hạ phải có cái đầu cơ trí, cơ mưu, cơ xảo, là phải biết đối xử với người trong người ngoài làm sao, đối xử với kẻ thân người sơ làm sao, đối với tay chân thuộc hạ thân tín phải ra sao, đối với dân chúng, với kẻ thù phải ra làm sao. Thiếu cơ mưu, cơ xảo, cơ trí, anh không thể đứng đầu thiên hạ được.

Cho nên vua chúa, thứ nhất là giàu; thứ hai, đặc điểm trong sinh hoạt thường nhật phải là cơ mưu. Thứ ba là bản tiếng Việt dịch: “sức mạnh là điểm tựa”. Bản tiếng Pali thì sức mạnh đây chỉ cho quân đội. Vua chúa nào cũng trông cậy vào sức mạnh của quân đội hết. Ngày nay sức mạnh còn nằm ở ngoại giao, ở kinh tế, ở nội chính, nội an. Nhưng đời xưa, thời phong kiến, thì sức mạnh đất nước, nhiều khi chính trị nó không bằng quân sự. Một hệ thống chính trị thối nát không ra gì, nhưng nếu công an và quân đội mạnh thì cũng có thể làm bạo chúa hơi lâu lâu, rất lâu. Cho nên điểm tựa của người đứng đầu đất nước, trong đây nói theo quan điểm người xưa, là quân đội.

Điểm cuối cùng, trong đây bản tiếng Việt dịch là “xu hướng là trái đất”, dịch vậy là chết rồi. Chữ này không có được, tôi không đồng ý. Chữ “Pathavi” đây là đất đai, là lãnh thổ, là hoàng triều cương thổ. Chỗ này phải hiểu như vậy: lãnh thổ, bờ cõi, đất đai. Nghĩa là xu hướng vua nào cũng muốn mở rộng bờ cõi hết.

Còn “cứu cánh”, chữ “pariyosana” nghĩa là cứu cánh rốt ráo của mỗi ông vua bà chúa là cái gì? Đó chính là “tự tại”. Chữ “tự tại” này cũng có vấn đề. Trong tiếng Pali, chữ “issariya” là quyền lực, cái power, có nghĩa là cha nào đứng đầu thiên hạ thì cái mong nhất chính là quyền lực.

Tôi nhớ đọc trong sách Âu Mỹ có câu chuyện thế này. Có một ông vua đi săn bị lạc đường và bị con quái vật bắt giữ. Nó nói nó có thể ăn thịt ông bất cứ lúc nào, nhưng cũng có thể tha mạng ông, với điều kiện là ông phải trả lời nó một câu là: “Đàn bà thích cái gì nhất?”

Thì ông suy nghĩ hoài. Đàn bà thích vàng bạc, kim cương, đàn bà thích tình yêu, có bà muốn thỏa mãn tình dục, có bà thích môn trốn vuốt ve, có bà thích du hí hưởng thụ, mua sắm tiêu xài thoải mái thả giàn, bla bla bla... Con quỷ nó lắc đầu. Nó kỳ hạn cho ông trong một thời gian phải trả lời. Ông tìm không ra. Cuối cùng ông mới xin nó cho ông cái quyền tham khảo.

Thì ông về hỏi ông lão thần trong triều. Ông góp ý, nói:

“Tôi sống tới tuổi này, dòm mặt tui bầm dập, tóc tai bị vặt trụi, mình mẩy sẹo không, tui học được bài học này: cái mà đàn bà mê nhất chính là...”

Tôi không trả lời, tôi coi trong room ai trả lời được. Đó là... quyền tự quyết. Cười.

Hồi đó tôi đọc tôi bối rối, sao kỳ vậy? Người ta vẫn nói kim cương, “lấy vàng thử đàn bà, lấy đàn bà thử đàn ông”, mà bây giờ nói đàn bà thích quyền tự quyết!

Quyền tự quyết nó quan trọng lắm. Đó là trong bếp, tôi đã vào bếp thì chồng con làm ơn lùi ra, tôi là sếp trong bếp. Rồi, vô phòng ngủ, không có một o, một mẹ nào lết vô được. Giường này giường của tôi, ông chồng của tôi. Trong phòng khách, tôi là người đẹp nhất, có tiếng nói lớn nhất trong phòng khách. Trong công ty, hãng xưởng, văn phòng, chỗ nào tôi có mặt, tôi phải có quyền tự quyết.

Cho nên mình nói đàn bà thích vàng bạc, tình yêu, tình dục, gom chung lại chỉ có quyền tự quyết. Quan trọng lắm quý vị. Bây giờ đầu hai thứ tóc tôi mới thấy đúng! Chẳng riêng đàn bà, mà tất cả mọi người trên hành tinh này ai cũng mơ có quyền tự quyết. Đời trăm là của trăm, đời tôi là của tôi. Ai cũng mong có quyền tự quyết, dầu đó là đất nước, là dân tộc, hay là trong một gia đình, một công ty, hãng xưởng, một đoàn thể, một đám đông, thì cái quyền tự quyết là cái quan trọng nhất.

Cho nên ở đây chữ “issariya” này là “quyền tự quyết”, là power, mà dịch là “tự tại” thì không sai. Nhưng nhiều người bây giờ nghe chữ “tự tại” thì họ hơi mơ hồ, nhưng nói quyền tự quyết thì ai cũng hiểu, cũng khoái. Cái chữ “issariya” này ý nghĩa nó không cạn như mình nghĩ đâu quý vị.

Cái câu “Không có gì quý hơn độc lập tự do” không phải của người Việt Nam, mà thực ra là của Tây. Quý vị vô Google tìm dùm tôi đi. Cái “độc lập tự do” đây nghĩa nó sâu lắm quý vị. Chúng ta tự quyết về chính trị, chúng ta tự quyết về kinh tế, về ngoại giao, thì đó mới gọi là quyền tự quyết, mới là độc lập tự do. Mà có được độc lập tự do đó, nó mới dẫn đến hạnh phúc. Hạnh phúc không phải là cái trên trời rớt

xuống. Nên cái độc lập tự do đây phải được hiểu là quyền tự quyết, tự quyết trên số phận dân tộc, số phận đất nước, trên các khía cạnh chính.

trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế.

Còn trong đời sống, mỗi người có quyền tự quyết là chúng ta phải chịu trách nhiệm về những gì mình nói, làm và suy nghĩ thì đã đành, mà chúng ta có quyền lựa chọn hướng đi cho mình. Chúng ta sanh ra không có xiềng xích ở tay, ở chân thì chúng ta cũng có quyền đi về bất cứ chân trời nào mình muốn. Vì chúng ta là con người, là Homo sapiens, là loài có cột sống dựng thẳng, có trí óc phát triển.

Không có gì thảm thương cho bằng đáng đứng con người mà phải sinh hoạt kiểu bầy đàn, bị chặn dắt, chặn thả vào những mục trường dưới sự lãnh đạo u mê, tăm tối của ai đó. Đó là một phận buồn, một kiếp buồn!

2. Đối với tu sĩ Bà-la-môn

Đó là đối với vua. Đối với thầy tu Bà-la-môn thì sao?

Cũng vậy. Với mấy ông thầy tu Bà-la-môn thì tài sản là mong muốn. Ước mơ của mấy ông Bà-la-môn là phải có tiền nhiều. Trong room chắc không biết cái đó. Bên bên là muốn trở thành tu sĩ Bà-la-môn, trước hết phải xuất thân trong dòng dõi Bà-la-môn. Thứ hai, phải tinh thông giáo lý.

Kinh điển Vệ Đà nguyên thủy của Bà-la-môn gồm 18 môn học, thập bát ban bách khoa. Nó gồm thiên văn, địa lý, toán số, thơ ca, ngôn ngữ, binh thư, võ thuật, bùa chú. Dễ sợ như vậy. Còn có cả khoa học nữa, dĩ nhiên khoa học theo trình độ thời đó.

Cho nên thời đó, một người tinh thông kiến thức Vệ Đà thì dư sức kiếm sống. Buồn buồn ra ngoài đường cầm mai rùa với mấy đồng xu làm thầy bói là sống thoải mái. Còn không thì cầm cái la bàn đi vòng vòng làm thầy phong thủy cũng sống được. Người tinh thông Vệ Đà thì cái giống gì cũng làm được hết. Cho nên hồi đó sao Bà-la-môn thích có tiền, là vì điều kiện kiếm tiền quá dễ đi.

Và chữ nghĩa, kiến thức học đường là đặc quyền, đặc lợi của ba tầng lớp trên trong xã hội Ấn Độ thời xưa, là dòng Sát-đế-ly, Bà-la-môn và thương gia. Còn thành phần tiện dân, nông nô là cả đời chỉ trên con thú một bậc thôi, là được quyền đi bằng hai chân, được quyền ăn cơm bằng muỗng, bằng đũa. Còn ngoài ra con thú làm sao, mình y chang vậy. Mình là đối tượng chà đạp của toàn xã hội.

Cho nên thời đó ước mơ của thầy tu là càng giàu càng tốt. Chưa hết, trong quy định xã hội Ấn Độ thời xưa, chỉ có hai cách để thoát khỏi thân phận một tiện dân, những người chẳng may sanh ra trong tầng lớp thấp kém nhất: một là làm thầy tu, hai là thiết nhiều tài sản. Nên muôn đời tài sản lúc nào cũng là chìa khóa để mở tất cả những cánh cổng khó mở nhất. Thậm chí người ta còn nói: “Nếu số phận không gõ cửa anh thì với đồng tiền anh có thể tạo ra cánh cửa khác”.

Bài kinh này sâu ở chỗ là Đức Phật ngài nói bản chất tu hành của người ngoại đạo không giống bản chất tu hành của vị sa-môn Phật giáo.

Tu sĩ Bà-la-môn thứ nhất là thiết tha tài sản. Thứ hai, trong đời sống thường nhật ông phải cơ mưu, cơ xảo. Mình đọc từ trên xuống mình thấy có hai điểm giống nhau của hai hạng người: thứ nhất, sống thiếu trí không làm ăn được gì hết. Và cuối cùng, mục đích rốt ráo của tất cả mọi người trong xã hội là quyền tự quyết. Các vị dò coi phải vậy không? Cái gì khác thì khác chứ phải có hai điểm, là phải có cái đầu: cơ xảo, cơ mưu, cơ trí; và phải có quyền tự quyết.

Như vậy, đối với tu sĩ Bà-la-môn, tài sản là cái họ mong muốn. Cách sống thường nhật chính là có cái đầu cơ trí. Điểm tựa của họ là tụng niệm. Xu hướng của họ là cúng bái. Và cứu cánh, mục đích, là được sanh về cõi Phạm thiên.

3. Đối với hạng gia chủ, cư sĩ

Tiếp theo, đối với hạng gia chủ cũng vậy. Gia chủ cũng mong mỏi tài sản. Cũng muốn có cái đầu cơ trí. Và ai cũng muốn có cái nghề cầm trong tay. “Ruộng đất bẽ bẽ

không bằng cái nghề trong tay” là chỗ này. Bởi có thể vì một biến động, biến cố nào đó, gia tài chúng ta có thể đội nón mà đi. Nhưng cái nghề thì nó theo chúng ta hoài.

Cho nên đối với người gia chủ, cư sĩ, thì nghề nghiệp là điểm tựa. Công việc là xu hướng. Công việc đây là “tay làm hàm nhai”. Người cư sĩ mà không “tay làm hàm nhai” thì không cách nào trụ nổi ngoài đời.

Và cuối cùng là thành công trong sự nghiệp. Ở đây ngài dịch là “thành tựu công việc”, nhưng trong bản Pali là “thành công trong sự nghiệp”. Có nghĩa là mình muốn làm đại gia đứng đầu trong ngành thủy hải sản, nông lâm, xuất nhập khẩu gì đó, là mình phải có thành tựu ước mơ đó, gọi là đạt được cứu cánh, đạt được mục đích của đời người.

4. Đối với đàn bà

Tiếp theo, đối với đàn bà thì niềm thiết tha trước hết là đàn ông. Ở đây ngài nói đến đa phần, phần đông. Đàn bà dầu giỏi bằng trời cũng cần có một bờ vai để tựa. Tựa khi vui để yêu, tựa khi buồn để không lẻ loi.

Cái đặc điểm trong sinh hoạt thường nhật của phụ nữ chính là trang điểm. Điểm này tôi không cần nói nhiều, bà con biết rồi. Nói cái này bà con chém, tôi vẫn nói. Đó là khi nội dung mình nghèo thì mình xoay qua hình thức.

Đàn ông có nhiều cái để ưu tư, suy tính, trù hoạch, sách lược. Nhưng đàn bà thì không. Đàn bà dầu có học hành ghê gớm mà chung quy lại, cái mà họ nặng lòng vẫn là nhan sắc. Cho tôi nói thiệt một câu, mà đang giảng ngay chỗ này bắt buộc phải nói. Đó là đàn ông xấu như quỷ cũng được, mà hễ có tiền hoặc có tài là có thể trụ được. Nhưng đàn bà giàu bằng trời, giỏi bằng trời mà không có nhan sắc thì rất là khó trụ nổi. Tám bằng tiến sĩ, nói 15 thứ tiếng, tài sản bạc tỷ dollar mà ngoại hình dưới 5, 5/10, mà tuổi đã chạm hàng 5 rồi thì chỉ còn có nước đi tu theo con Lan, cắt dây chuông. Mà xấu quá khỏi cần cắt, Đẹp không tới tìm đâu.

Cho nên đặc điểm đàn bà đầu già cách mấy, dốt cách mấy, xấu cách mấy, giỏi, giàu, nghèo cách mấy thì cái chuyện sửa sang nó quan trọng lắm. Có nhiều khi không ngại đập hết xây lại cũng làm nữa!

Nhưng vấn đề ở đây không cạn như mình nghĩ đâu quý vị. Vấn đề sâu chỗ này: người Phật tử nữ nên tâm niệm thế này:

“Tôi sẽ hướng tới cái đẹp tâm linh chứ không phải cái đẹp hình thức. Đời đời kiếp kiếp, ngày nào tôi còn quan tâm tới cái đẹp hình thức, tôi khó lìa được nữ tính. Mà không lìa được nữ tánh thì làm sao tôi có thể làm nam nhân được”. Nhe!

Giá trị của một kiếp người chính là sắc đẹp tâm linh chứ không phải là sắc đẹp ngoại diện, nhân dáng. Cái đẹp ngoại diện, nhân dáng, nó chỉ có giá trị rất là tương đối. Đẹp cỡ nào nó cũng tàn phai, héo úa theo thời gian. Nhưng cái đẹp tâm linh nó còn hoài.

Cái sâu là kinh nói như vậy thì mình phải hiểu ngoài, hiểu sâu, hiểu xa cái đó một chút.

“Ồ, thì ra thiên hạ nghĩ về đàn bà chúng tôi như vậy đó, thì tôi sẽ là một ngoại lệ. Cái mà tôi quan tâm không phải là nhan sắc, không phải là hình thức, là vẻ ngoài, mà là vẻ đẹp nội hàm, vẻ đẹp nội tại bên trong”. Chớ không phải Kinh nói vậy để mình buồn, mình tủi, mình hận. Nhe!

Cho nên, đàn bà chuyện đầu tiên là cần bờ vai đàn ông. Thứ hai là thường xuyên áo quần lụa là, phấn son, vòng vàng. Điểm tựa của đàn bà là con cái. Xu hướng của đàn bà là không có địch thủ.

Hồi này tôi nói đó, quyền tự quyết đàn bà rất là quan trọng. Không địch thủ là sao? Trong Kinh nói, đàn bà có hiền cách mấy nhưng không dễ dàng kham nhẫn khi biết tình yêu mình bị chia sẻ. Cái này Kinh nói chứ không phải tôi nói. Trong Kinh nói, một ông vua khi bị đe dọa về quyền lực là khó kham nhẫn. Con voi mùa phát dục thì

rất khó kham nhẫn. Đàn bà khi bị chia sẻ tình cảm rất khó kham nhẫn. Đó là ba trường hợp rất khó kham nhẫn. Lấy bài Kinh đó để giải bài Kinh này nghe.

Nói xu hướng đàn bà không có địch thủ là đàn bà không muốn mình có đối thủ. Có làm họ mất vui, dầu họ đang là số một trong gia đình, trong một công ty, hãng xưởng, đoàn thể, một đám đông. Nhưng họ hay lắm, họ có giác quan thứ sáu, thứ bảy, kể cả chủ nhật luôn. Họ biết cái tên mới vừa bước vào này nè có khả năng loại mình ra khỏi vòng chiến. Họ có giác quan đó nhạy hơn đàn ông.

Trong các loài động vật cấp thấp có cá heo, nó sử dụng một lúc một nửa bán cầu não, nó nghỉ ngơi một nửa, thì đàn bà cũng có khả năng đó. Họ độc lắm. Thấy họ khờ khờ vậy chớ họ độc lắm. Cho nên họ nhanh chóng nhận ra ai là đối thủ và từ đó lập tức có sách lược, kế hoạch để loại bỏ đối thủ. Cho nên khuynh hướng của đàn bà là rất kỵ đối thủ.

Cuối cùng, niềm mong mỏi lớn nhất của người đàn bà là quyền tự quyết. Có nghĩa là làm sao bên nhà chồng nghe mình. Làm sao bên nhà cha mẹ ruột ai cũng nể mặt mình. Làm sao chồng và con đều trong tay mình. Làm sao ông boss cũng trong tay mình. Làm sao kẻ ăn người ở đều phải nghe lời mình. Cái mong mỏi lớn nhất của đàn bà cũng lại là quyền tự quyết. Nhớ nhe!

Đối với thành phần trộm đạo

Giờ đối với thành phần trộm đạo. Trong Kinh kể chúng ta nghe một loạt người, chúng ta thấy kỳ kỳ: “Ủa sao kỳ vậy ta, sao mà lựa ra mấy người này?” Xin thưa, đây là những gương mặt tiêu biểu cho một xã hội hoàn chỉnh. Có nghĩa là trong xã hội đó có nam có nữ, có Đạo có đời, có thành phần lương thiện mà cũng có thành phần trộm cướp, xã hội đen.

Ở đây Ngài cho thấy những vấn đề, khía cạnh, diện mạo khác nhau của mỗi tầng lớp người trong xã hội. Ngài làm cái so sánh, đàn bà thì mơ đàn ông. Cư sĩ thì mê tài sản. Vua thì mê quyền lực. Nhưng tới thằng trộm cướp thì nó mê cái gì? Đầu tiên, ước mơ

của trộm cướp chính là cái đồ mình lấy được. Điều mong muốn nhất của ăn trộm chính là tài sản, là đồ nó chôm được.

Thứ hai, sinh hoạt thường nhật của trộm cướp là gì? Là ẩn nấp. Ở đây dịch là “rừng rậm”, nhưng thực ra là chỗ ẩn nấp, nghĩa là luôn luôn trốn lánh. Tiếp theo, điểm tựa của ăn trộm là vũ khí. Nó là ăn trộm nhưng nó sẵn sàng ra tay trong trường hợp bị truy đuổi hay bị phát hiện. Còn cái xu hướng nó là sự tối tăm. Nghĩa là ăn trộm, ăn cướp nó kỵ cái gì minh bạch. Nó kỵ ánh sáng, kỵ tia nắng và ánh đèn. Thành phần trộm đạo chủ yếu hoạt động về đêm.

Tôi ở miền Tây tôi biết hồi xưa hồi xưa, chớ bây giờ hết rồi. Giờ Việt Nam không biết chuyện này. Hồi xưa, trên bờ thì trộm, trên sông là bói. Nghĩa là mấy chiếc ghe thương hồ đi trên sông họ sợ nó lắm. Nó hay lắm, nó như con ma da vậy đó. Mình ngủ trên ghe, chiếc ghe đâu có rộng đâu, mà nó biết lúc nào mình ngủ say, lúc nào mình rời ghe, nó biết. Mà làm sao từ dưới nước nó lên được ghe mà mình không hay mới ghê chứ. Nó đánh giá được cái ghe nào có tài sản. Khi nó bị phát hiện, nó chỉ cần một cái “chóc” tay, nháy mắt là nó “tút” xuống nước, không văng lên một giọt nữa. Đó mới là bói, nhà nghề đó.

Tại sao tôi kể bà con nghe? Tôi muốn minh họa cho bà con thấy, ăn trộm phải là bóng tối, ăn trộm phải là ẩn nấp là vậy. Cuối cùng, cứu cánh lớn nhất của ăn trộm là không bị thấy. Trộm nói riêng và chuyện bậy bạ nói chung thì không bị phát hiện là điều người ta mơ nhất, dầu chuyện thành công hay thất bại, mà cái người ta mơ nhất là không bị phát hiện.

Giờ tới chỗ quan trọng nhất của bài Kinh nằm ở đoạn này. Giống như câu:

“Vớ tay mà ngắt ngọn ngò,
Thương em đứt ruột giả đồ làm lơ”.

Thì cái câu “vớ tay mà ngắt ngọn ngò” nó không quan trọng. Mà đoạn cuối “thương em đứt ruột giả đồ làm lơ” mới là ghê. Nguyên cái loạt hình ảnh từ trên xuống: vua

chúa, tu sĩ, gia chủ, đàn bà, không quan trọng. Quan trọng là đoạn cuối này.

Đối với hàng Sa môn

Đối với sa môn, với người đệ tử Phật thì cái mong muốn là cái gì? Cái cận hành, đời sống thường nhật, là cái gì? Điểm tựa là cái gì? Thì trong đây Ngài mới dạy.

Đối với vị sa môn cầu giải thoát, cái mà vị đó trau giồi thường ngày chính là cái nhẫn nhục và nhu hòa. “Khanti” là kham nhẫn, là nội nhẫn và ngoại nhẫn. Nội nhẫn là chịu đựng được những vấn đề trong tâm mình, tâm thức mình. Còn ngoại nhẫn là những gì từ bên ngoài đánh vào. Năng gió mưa sương, côn trùng chích đốt, tiếng đời thị phi, đánh đập, chửi rửa, hành hạ... mình chịu được, đó là ngoại nhẫn. Còn nội nhẫn, thương quá mà vẫn cắn răng chịu. Giận quá mà vẫn cắn răng chịu. Sợ, nóng, ngứa ngáy lắm, bực mình lắm, khó chịu lắm, vẫn cắn răng nhẫn. Đó được gọi là nội nhẫn.

Còn chữ “nhu hòa” từ tiếng Pali là “soracca”, mà chữ “nhu hòa” là dịch chưa tới. Soracca là khả năng tương dung được với đời sống. Như nước đựng trong bình tròn thì nước nó tròn, đựng trong chậu vuông thì nước nó vuông. Đựng trong khối hình ống, hình lăng trụ, vành khăn, đựng trong gì thì nước có hình dáng đó. Nhưng khi thả trở về sông, về suối thì nước trở về hình dáng vô tướng của nó. Thì vị sa môn cũng vậy. Sống trong tình huống nào tùy duyên mà bất biến, gọi là “soracca”. Nhớ nhe.

Còn đặc điểm thứ hai về trí tuệ cận hành nghĩa là sao? nếp sống thường nhật của vị sa môn là sống bằng trí tuệ. Đời sống của người tu hành không phải là cơ trí, cơ mưu, cơ xảo, mà là trí tuệ, là khả năng nội tỉnh, phản tỉnh được gọi là trí tuệ. Nội tỉnh có nghĩa là không bao giờ u mê, mê mờ, tiếng Pali gọi là attamoattanranna. Có nghĩa là luôn luôn biết rõ rằng chỉ có khổ, không có ai bị khổ.

Chỉ có nguyên nhân sanh khổ, không có người tạo khổ. Chỉ có cứu cánh thoát khổ, chứ không có ai thoát khổ. Chỉ có con đường hành trì, chứ không có ai hành trì. Cái đó gọi là nội tỉnh.

Còn khả năng phản tỉnh là luôn luôn phát hiện rằng mình có cái phải sửa, có cái phải thêm, có cái phải bớt. Đó chính là đời sống luôn trong trí tuệ của vị xuất gia. Trí tuệ là luôn có khả năng nội tỉnh và phản tỉnh.

Tiếp theo, giới hạnh là điểm tựa. Giới hạnh hôm qua tôi giải thích rồi. Đặc điểm của người có giới khác với người không giới ở chỗ, khi họ có khả năng kiểm soát được tam nghiệp, họ dạn lắm. Họ đi vào đám đông, họ không bị khó chịu khi ai đó xâm xì. Và trong giờ cận tử mạng chung, trong kinh dạy rằng vị đó vững tâm ra đi khi nghĩ rằng nếu có một kiếp sau thì người có nếp sống như mình chắc chắn không đi vào chỗ tệ. Còn nếu chết rồi là hết thì ít ra ngay lúc mình còn trong thuở bình sinh, ít ra mình luôn luôn sống trong sự tự tin, trong sự thanh thản, không âu lo.

Mà cái này có bằng chứng khoa học, chứ không phải vấn đề tâm linh tôn giáo. Tôi nói hoài không biết trong room còn nhớ không. Tôi nói tôi không có thần thông, làm sao tôi biết kiếp trước kiếp sau, nhưng tại sao tôi tin lời Phật? Là bởi vì tôi có để ý vấn đề khoa học thế này.

Có những loài cây chỉ mọc ở xứ nhiệt đới mà không thể mọc xứ ôn đới hay hàn đới. Có những loại cây chỉ mọc ở trên khô mà không mọc dưới nước. Có những loại cây mọc dưới nước mà không mọc được trên khô. Có những loại cây mình thấy nó chỉ ở vùng A, không ở vùng B. Tại sao có cây mọc ở sa mạc mà không mọc ở đồng bằng? Là bởi vì mỗi loại như vậy có đặc điểm sinh học đặc thù mà nó cần một môi trường tương ứng với nó. Đó là nói về thế giới khoa học, thế giới vật chất.

Trong tâm linh cũng vậy. Nếu quả thật có một kiếp sau thì với cái tâm lành chúng ta vẫn sống, vẫn trau dồi mỗi ngày, sẽ đưa ta về một nơi chốn tương thích. Trong room có hiểu cái này không ta? Nếu mình sống có chánh niệm, có định, có từ tâm, có từ bi, có úy, thì nếu còn có một kiếp sau, cái nội dung đó sẽ đẩy mình đi về một nơi mà nó tương ứng với nội dung mà mình đã sống. Chuyện này rất là khoa học.

Còn sống bằng tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi, tị hiềm, bủn xỉn, nhỏ mọn, tiểu tâm, thì đương nhiên là mình sẽ bị đẩy về chỗ nào tương ứng với con người đó của mình. Chuyện đó rất vô cùng dễ hiểu.

Cho nên ở đây giới hạnh nó quan trọng bởi nó là điểm tựa của người xuất gia mà. Tôi đã nói rồi, cư sĩ giới, ngũ giới, bát giới, là lằn ranh để phân biệt người và thú, giữa nhân thiên Dục giới và bốn cõi đạo. Nhưng xuất gia giới là lằn ranh phân biệt cõi Dục và cõi Thiên. Bởi xuất gia giới mà giữ cho tới nơi tới chốn, một vị tỳ kheo tuy mang thân nhân loại, sống ở cõi Dục giới, nhưng nếu sống đúng 227 giới thì vị đó có nếp sống của một Phạm thiên. Nó phân biệt cõi Dục với cõi Thiên đầu cho mình không đặc thiên.

Và khi chúng ta tu Tứ Niệm Xứ có nghĩa là chúng ta đang sống ở lằn ranh phàm và Thánh. Nghĩa là khi chúng ta còn sống trong ý niệm “tôi” và “tôi là”, “của tôi” là đang sống trong ý niệm của phàm. Tôi hít ra, tôi thở vào, tôi đang có tâm tham, tâm sân, tôi đang dễ chịu. Tôi đang khó chịu. Tôi đang bước tới. Tôi đang đứng lại. Tôi đang tắm, tôi đang ăn, tôi đang nhai... Rõ ràng chúng ta đang tu Tứ Niệm Xứ mà, nhưng đó là kiểu phàm.

Sẽ phải có một ngày mình thấy rằng tâm tham đang có mặt, chứ không có tôi đang tham. Rồi tâm tham đang biến mất. Và tâm tham vừa biến mất. Thì lúc đó là chúng ta đang sống trong cảnh giới của thánh nhân. Nhớ nhe. Cái này phải nhớ, nhớ, nhớ, nhớ, nhớ... Chớ còn lơ lơ uổng lắm nhe!

Cái khuynh hướng của người xuất gia là không sở hữu. Cái này sâu kinh khủng lắm quý vị. Sâu lắm! Không sở hữu là sao?

Thứ nhất, là dầu mang thân nhân loại nhưng không bị chìm sâu vào những gì thuộc về nhân loại.

Thứ hai, có giới, có định nhưng chỉ coi đó là phương tiện, chứ không coi đó là cứu cánh.

Đó là không sở hữu. Có nghĩa là không bị vướng kẹt. Chữ sở hữu đây không phải là possession, mà “vô sở hữu” đây là akincanna, là không chấp trước. Tôi nhắc lại, dầu sống trong thân nhân loại nhưng không bị vướng kẹt ở những gì thuộc về cảnh giới nhân loại. Dầu sống trong cảnh giới phàm phu nhưng không bị vướng kẹt trong cảnh giới phàm phu. Bỏ được thì bỏ. Buông được thì buông. Đó gọi là vô sở hữu.

Tôi nhắc tới nhắc lui không biết là bao nhiêu lần. Ngày nào không biết đạo, chỉ biết sắc, tài, tình, danh, lợi, coi đó là tất cả. Biết đạo rồi, biết chê mấy cái đó, nhưng bị vướng kẹt vào cái khác, nó tâm linh hơn, nó tinh thần hơn, trừu tượng hơn. Đó là gì? Là tôi tu tốt hơn người ta. Giới hạnh tôi tốt hơn người ta. Chánh niệm, thiền định của tôi tốt hơn người ta. Trí tuệ, kiến thức của tôi tốt hơn người ta. Đạo hạnh của tôi tốt hơn người ta, bla bla bla... Tức là vướng kẹt vào một cái khác.

Trong khi đó ở tầng thứ ba thì không. Tôi đã nói:

Ở tầng một là chỉ mong hưởng quả lành.

Tầng hai là thiết tha tạo nhân lành.

Tầng ba là vẫn tiếp tục tạo nhân lành nhưng bằng tâm thái của một người không còn lựa chọn khác. Không biết có hiểu câu này không? Nó kẹt ở chỗ đó. Hạng thứ ba này vẫn làm lành lánh dữ nhưng họ làm lành bởi vì họ không còn lựa chọn, chớ không phải họ coi cái đó là tất cả.

Nói cách khác, giống như một đứa bé vì cha mẹ, ông bà bắt nó phải cúi đầu khoanh tay lễ phép, cho nên nó gặp khách nhiều khi không khoái lắm nhưng vì nhớ lời ông bà cha mẹ, nó ráng nó chào. Chớ nếu có điều kiện chơi với bạn xấu là nó quên cái vụ lễ phép liền. Nó có hai lựa chọn: hoặc chào hoặc không chào. Chớ dân trí thức, một người đã trưởng thành, có giáo dục thì cái chuyện lịch sự, lễ phép nó là bắt buộc. Họ không có khả năng lựa chọn cái ngược lại. Bằng chứng là mình thấy trong cơn nổi giận hoặc trong cơn say rượu thì cái người có học họ khác. Bởi vì họ không có khả năng giống y chang cái người ít học được. Người ít học có hai ba lựa chọn, hoặc là dễ

thương, hoặc là dễ ghét, dễ khinh. Nhưng một người có học thì họ không như vậy. Mà họ chỉ có một con đường đi thôi.

Ở đây cũng vậy. Chúng ta tự xét mình, có hai loại thiện: thiện của trẻ con và thiện của người trưởng thành. Thiện của trẻ con là ở người còn có khả năng quay lại với cái ác. Thiện của người có hai lựa chọn thiện - ác đó là...

Thiện trẻ con.

Còn cái thiện của người lớn là thiện của người không còn khả năng quay lại với cái ác nữa. Không biết tôi nói vậy có hiểu không?

Rồi, cái cứu cánh của vị xuất gia là gì? Là Niết-bàn.

Chỉ riêng đoạn cuối này là toàn bộ nội dung của bài kinh thôi. Cái khuynh hướng của người xuất gia là không sở hữu. Buông được thì buông. Bỏ được thì bỏ.

Mà tại sao phải buông, tại sao phải bỏ? Là vì vị đó thấy rằng hễ còn có thích còn có ghét, còn có khổ còn có vui, còn có sanh thì còn có diệt. Thôi thì không còn thích ghét, buồn vui, thiện ác, sanh diệt nữa, mới yên cái thân.

Thích - ghét, buồn - vui, thiện - ác, sanh - diệt, bốn cái này nó hết mình mới yên. Các vị nhìn kỹ bốn cặp này, mình thì chỉ quẩn quanh thích - ghét, buồn - vui thôi. Rồi khi biết Đạo mới quan tâm tới cái thiện - ác.

Nhưng cái tên cuối cùng, ngon lành nhất, là thích - ghét là chuyện nhỏ, buồn - vui: chuyện nhỏ. Thiện - ác cũng là chuyện nhỏ, mà cái sanh - diệt mới là chuyện lớn. Hễ còn sống trong cảnh sanh - diệt là chưa khá. Cho nên vị đó mới hướng tới cứu cánh Niết-bàn. Nhớ nhe. Cái này sâu lắm nhe.

Giờ đọc như con nít đi:

“Thuở nào chưa biết Đạo, tôi chỉ biết thích - ghét, buồn - vui. Biết Đạo rồi, tôi quan tâm thiện - ác. Nhưng rốt cùng, khi tu tập Bốn Niệm Xứ thì tôi chỉ còn chú ý cái sanh

- diệt, và thấy rằng còn sanh - diệt là còn khổ. Còn thích ghét, buồn vui, thiện ác lúc bấy giờ nó là chuyện nhỏ rồi.”

Ok, chúc các vị một ngày vui và hẹn các vị ngày mai. Bye bye.